

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/ HNGĐ- ST
Ngày 30/3/2017
“Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thắm, ông Nguyễn Văn Vỹ.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST – HNGĐ ngày 20/3/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Ngọc K**, sinh năm 1973

Trú quán: Thôn T, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978

Trú quán: Thôn H, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Những người đại diện theo pháp luật của chị L: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951 và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1954; đều trú tại: Thôn H, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương (là bố mẹ đẻ chị L, ông L ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng với Tòa án, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Bà Nguyễn Thị S – Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là anh Trịnh Ngọc K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 21/01/1999, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã C. Sau đó, anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sống tại thôn T, xã H, thị xã C. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L thay đổi

tính tình, lầm lì, ít nói, có nhiều biểu hiện của người bị tâm thần, không lao động và chăm lo gì cho gia đình, thường xuyên bỏ đi lang thang. Anh và gia đình đã đưa chị L đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Dương vào các năm 2005, 2008 và 2016 nhưng tình trạng bệnh của chị L không được cải thiện mà có chiều hướng nặng lên, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐST-VDS ngày 14/11/2016, Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh đã tuyên bố chị L mất năng lực hành vi dân sự theo yêu cầu của anh. Nay anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh đề Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Trịnh Thế L, sinh ngày 31/12/1999, Trịnh Thị L, sinh ngày 18/4/2001 và Trịnh Thế T, sinh ngày 21/3/2003, hiện nay các con chung đang ở cùng anh. Anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản ghi lời khai, bà Đỗ Thị D là người đại diện theo pháp luật của chị L trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị L và anh K như anh K trình bày trên. Quá trình chung sống, đến năm 2004 thì chị L và anh K xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến chị L, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, anh K có lần đánh chị L. Do suy nghĩ nhiều nên chị L có biểu hiện của người bị bệnh thần kinh, lầm lì, ít nói, lúc nào cũng hoảng sợ, hoang mang. Năm 2006, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, thời gian đầu anh K có đến động viên chị L về đoàn tụ nhưng chị L không về. Nhiều năm nay, chị L và anh K sống ly thân nhau. Nay anh K xin ly hôn chị L, bà D đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho anh K và chị L ly hôn thì đề nghị K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 800.000 đồng trong thời hạn 10 năm kể từ khi ly hôn, phương thức cấp dưỡng một lần hay theo tháng, theo quý, theo năm bà đều đồng ý.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho anh K và chị L ly hôn thì bà D đề nghị giao cả 03 con chung của anh chị cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L và anh K không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh K giữ nguyên quan điểm như nêu trên và tự nguyện cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm kể từ tháng 4/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn chị L. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc anh K cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm kể từ tháng 4/2017. Giao 03 con chung của anh chị cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận

sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không đặt ra giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Ngọc K được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc anh K cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm, kể từ tháng 4/2017.

- Về con chung: Giao cả 03 con chung là Trịnh Thế L, sinh ngày 31/12/1999, Trịnh Thị L, sinh ngày 18/4/2001 và Trịnh Thế T, sinh ngày 21/3/2003 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị D là người đại diện theo pháp luật của chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị L kết hôn với nhau ngày 21/01/1999, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã C nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong cuộc sống hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị L thay đổi tính tình, làm lì, ít nói, thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và đi lang thang, sự quan tâm, chăm lo cho gia đình không có. Anh K đã 02 lần khởi kiện xin ly hôn chị L nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng anh chị không về chung sống với nhau. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐST-VDS ngày 14/11/2016, Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh đã tuyên bố chị L mất năng lực hành vi dân sự. Xét mâu thuẫn giữa anh K và chị L đã trầm trọng và kéo dài, chị L là người mất năng lực hành vi dân sự, do vậy mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, xử cho anh K được ly hôn chị L.

Chị L là người mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, sống hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình, người đại diện của chị L yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 800.000 đồng trong hạn 10 năm kể từ khi ly hôn là phù hợp với Điều 107, Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh K tự nguyện cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng, trong hạn 10 năm kể từ tháng 4/2017, xét đây là sự tự nguyện của anh K, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Cả 03 con chung hiện nay đang ở cùng anh K, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Chị L là người mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng và điều kiện nuôi con. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cả 03 con chung cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Việc anh K không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh K và người đại diện của chị L đều xác định anh K và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trịnh Ngọc K là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Ngọc K được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc anh K cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm, kể từ tháng 4 năm 2017.

Áp dụng Điều 375, Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K không thi hành khoản tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giao 03 con chung là Trịnh Thế L, sinh ngày 31/12/1999, Trịnh Thị L, sinh ngày 18/4/2001 và Trịnh Thế T, sinh ngày 21/3/2003 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Ngọc K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2014/0003235 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh K còn phải nộp 400.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện theo pháp luật của chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- UBND xã H, thị xã C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm